

The background is an abstract painting with vibrant, swirling colors including red, orange, yellow, blue, and green. Overlaid on this is a stylized profile of a human face, rendered in white and light blue, looking towards the right. The face has large, expressive eyes and a defined jawline.

# Học thuyết Phân tâm học (Psychoanalysis)

Võ Nhật Huy (M.Ed in Counseling, Korea University)  
huy.vo@hcmussh.edu.vn

Slides được soạn khi tham khảo và kế thừa của tiến sĩ TRỊ THỊ MINH THÚY và  
thạc sĩ Nguyễn Huỳnh Luân





# Đã bao giờ bạn từng thấy?

- Một ngày mình bỗng buồn vu vơ?
- Mới gặp một người mà mình cảm thấy sợ/quý mến/ghét không lý do?
- Mỗi lần stress là cắn móng tay/ăn không kiểm soát?

# 1. Sigmund Freud

- Sinh ngày 6/5/1856 tại Moravia (Giờ là cộng hòa Czech). Cha 40 tuổi, mẹ 20 tuổi.
- Cha là một người nghiêm khắc và uy quyền. Tuổi thơ Freud chìm trong sự gây hấn, ghét bỏ đối với cha.
- Mẹ là một người mạnh mai, hấp dẫn. Người luôn tin ông sẽ thành công trong tương lai và truyền cảm hứng cho ông nhiều.

# 1. Sigmund Freud

- Từ nhỏ Freud được tạo điều kiện tốt nhất để học tập. *Ví dụ: Các chị em khác không được tập piano nếu tiếng đàn làm phiền ông học. Phòng của ông dùng dầu Oliu để học bài trong khi cả gia đình dùng đèn cây*
- Freud luôn đạt thành tích xuất sắc tại trường. Cuối cùng, ông chọn ngành Y khoa vì ông tin đây là con đường ngắn nhất và hợp lý nhất để phát triển bản thân

# 1. Sigmund Freud

- Ông từng tin rằng Cocaine là một thần dược
- Sau tốt nghiệp, ông làm việc như một bác sĩ tâm thần. Ông kết hợp cùng Jean Martin Charcot – *người tiên phong sử dụng thôi miên.*
- Ông phát hiện ra tình dục và sang chấn liên quan đến tình dục có ảnh hưởng lớn đến bệnh thần kinh. Tuy nhiên, đó không phải là tất cả.

# 1. Sigmund Freud

- Ông phát hiện ra giấc mơ là một nguồn liệu quan trọng. Những ngày tháng ông phân tích giấc mơ của mình là một trong những giai đoạn là việc hiệu quả nhất.

## **2. Quan điểm về bản chất con người**

- Bản chất con người cơ bản đã được định sẵn bởi 5 – 6 năm đầu đời
- Hành vi con người được quyết định bởi những động cơ vô thức, các xung năng (drives) và thuộc về bản năng.
- Những điều này được tiến triển qua những giai đoạn tâm tính dục trong 5 - 6 năm đầu đời.



## **2. Quan điểm về bản chất con người**

***Xung năng (Instincts): Năng lượng vận hành nhân cách***

Theo Freud, xung năng là động lực thúc đẩy (drive) hành vi và quyết định định hướng của các hành vi này.

## **2. Quan điểm về bản chất con người**

- Con người luôn chịu sự tác động của xung năng (instincts)

# Instincts (xung năng)

Life instincts  
(xung năng sống)

Death instincts  
(xung năng chết)

Libido (Xung  
năng tính dục)

Aggressive  
instincts (xung  
năng gây hấn)

Cathexis (đầu  
tư tính dục)



## **2. Quan điểm về bản chất con người**

Xung năng sống hướng đến sự lớn lên và phát triển (growth and development). Theo Freud, tính dục (sex) là một điều quan trọng khi nói đến xung năng và nói đến nhân cách con người.

Xung năng chết là xung năng thúc đẩy chúng ta phá hủy, chinh phục và giết chết

## 2. Quan điểm về bản chất con người

- **Xung năng sống:** bao gồm **Libido**= **xung năng tính dục**, hướng đến sự sinh tồn, phát triển, tăng trưởng và sáng tạo; mục tiêu là tìm kiếm khoái cảm và tránh đau thương.
- **Xung năng chết:** bao gồm **xung năng gây hấn (aggressive drive)**, mong muốn chết, làm tổn thương bản thân hay người khác.
- Hai xung năng này là yếu tố quyết định mạnh mẽ tại sao con người hành động.



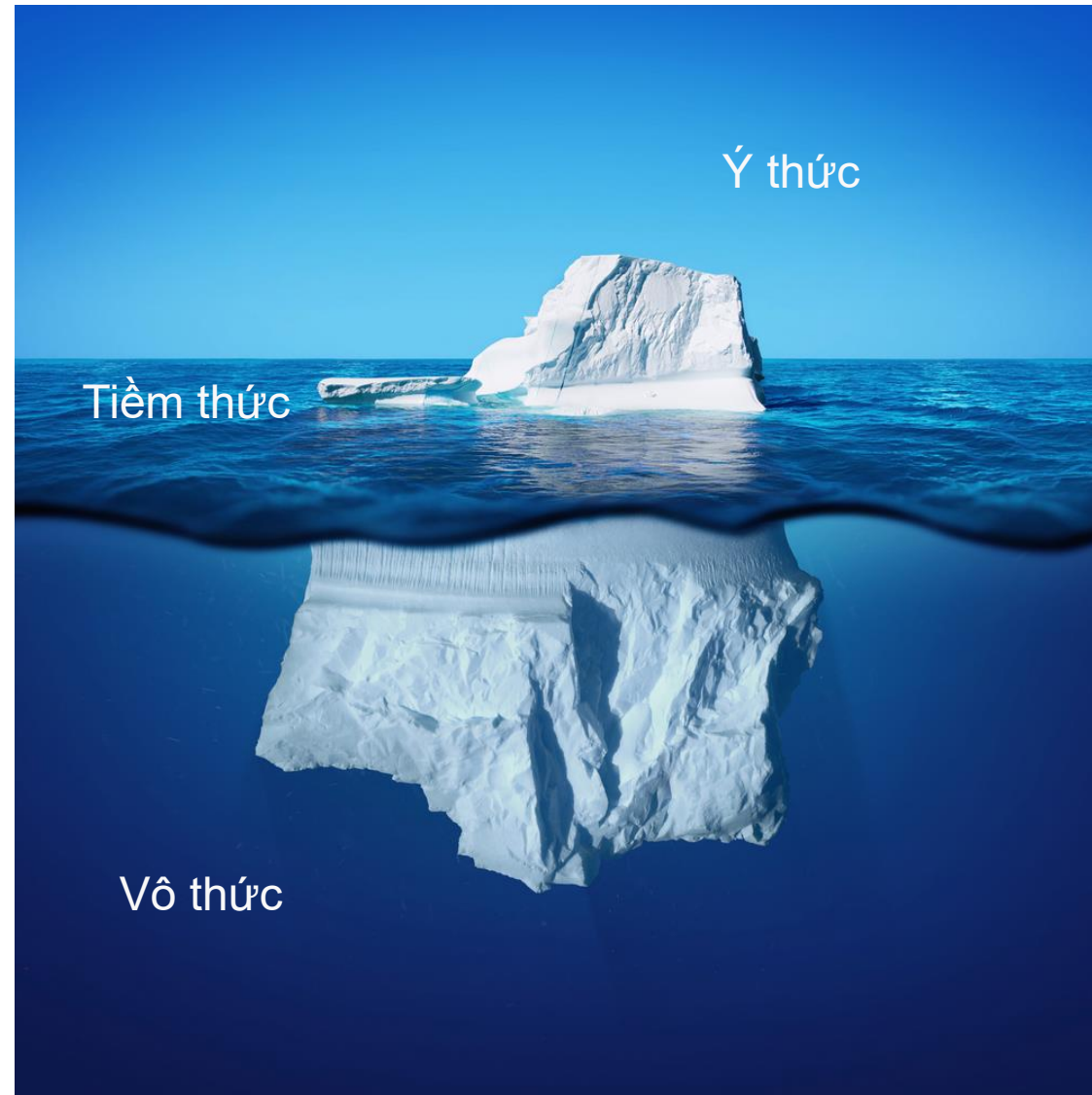
## 2. Quan điểm về bản chất con người

- **Xung năng sống (Eros):** phục vụ đời sống của một cá nhân sinh thể bằng cách kích thích việc tìm thức ăn nước uống, và duy trì đời sống của cộng đồng qua việc sinh sản.
- Năng lượng của bản năng sự sống được gọi là **libido** – xung năng tính dục/ dục năng, giống như năng lượng. Tính dục theo Freud mang tính xã hội rất cao, chứ không phải chỉ là giao hợp.

## 2. Quan điểm về bản chất con người

- **Xung năng chết (Thanatos):** Freud tin rằng mỗi cá nhân đều có một mục đích sau cùng của đời sống là sự chết. Ông tin rằng từ trong sâu thẳm, mỗi con người có một khát khao vô thức được chết.
- Bản năng này nằm phía bên dưới của bản năng ham sống.

### 3. Các mức độ của cấu trúc nhân cách (quan điểm định khu lần 1 (1900))



### 3. Các mức độ của cấu trúc nhân cách

#### **The unconscious (vô thức)**

Là bề chứa các xung năng. Vô thức một phần ảnh hưởng đến lời nói, hành vi, cảm giác của chúng ta

**Ví dụ:** *Quý mến một người bạn có nhiều lý do từ vô thức*

### **3. Các mức độ của cấu trúc nhân cách**

#### **The unconscious (vô thức)**

Vô thức luôn muốn trỗi lên phần ý thức nhưng dưới nhiều dạng khác nhau



### **3. Các mức độ của cấu trúc nhân cách**

#### **The unconscious (vô thức)**

- Giấc mơ
- Hành vi lỗi hệt
- Nói lộn từ
- Triệu chứng

### 3. Các mức độ của cấu trúc nhân cách

#### **The unconscious (vô thức)**

*Ví dụ: Một người con trai có xu hướng hung tính hướng đến cha mình trong vô thức nhưng được chuyển thành việc yêu mến và thán tụng cha (reaction formation)*

SIGMUND FREUD

The  
Interpretation  
of Dreams

The Complete and Definitive Text

*Translated and Edited by James Strachey*

# Một số biểu tượng hay sự kiện trong giấc mơ và ý nghĩa ẩn tàng

BIỂU TƯỢNG	DIỄN DỊCH
Vua và hoàng hậu	Cha mẹ
Con vật nhỏ	Trẻ em
Trẻ em	Bộ phận sinh dục
Chơi với trẻ em	Thủ dâm
Vật dài (cành cây, cây dù, cà vạt, rắn, kẹo,...)	Bộ phận sinh dục nam
Không gian đóng (hộp, lò nướng, hang động, túi,...)	Bộ phận sinh dục nữ
Leo thang, lái xe hơi, cưỡi ngựa, đi qua cầu,...	Giao hợp
Khỏa thân giữa đám đông	Thèm khát sự chú ý

### **3. Các mức độ của cấu trúc nhân cách**

#### **The preconscious (tiềm thức)**

Nơi lưu trữ những ký ức, cảm giác, suy nghĩ mà không ý thức được nhưng có thể gọi ra dễ dàng.



### **3. Các mức độ của cấu trúc nhân cách**

#### **The preconscious (tiềm thức)**

*Ví dụ: Khi đang ngồi trong lớp học nhưng hình ảnh tối qua hiện về*

### 3. Các mức độ của cấu trúc nhân cách

#### **The conscious (ý thức)**

Chiếm một phần nhỏ, là những cảm giác, trải nghiệm mà bản thân chúng ta nhận thức được

Ví dụ: *Đang trong lớp học, cảm nhận mặt bàn*

## 4. Cấu trúc nhân cách (Lần định khu thứ 2, năm 1923)

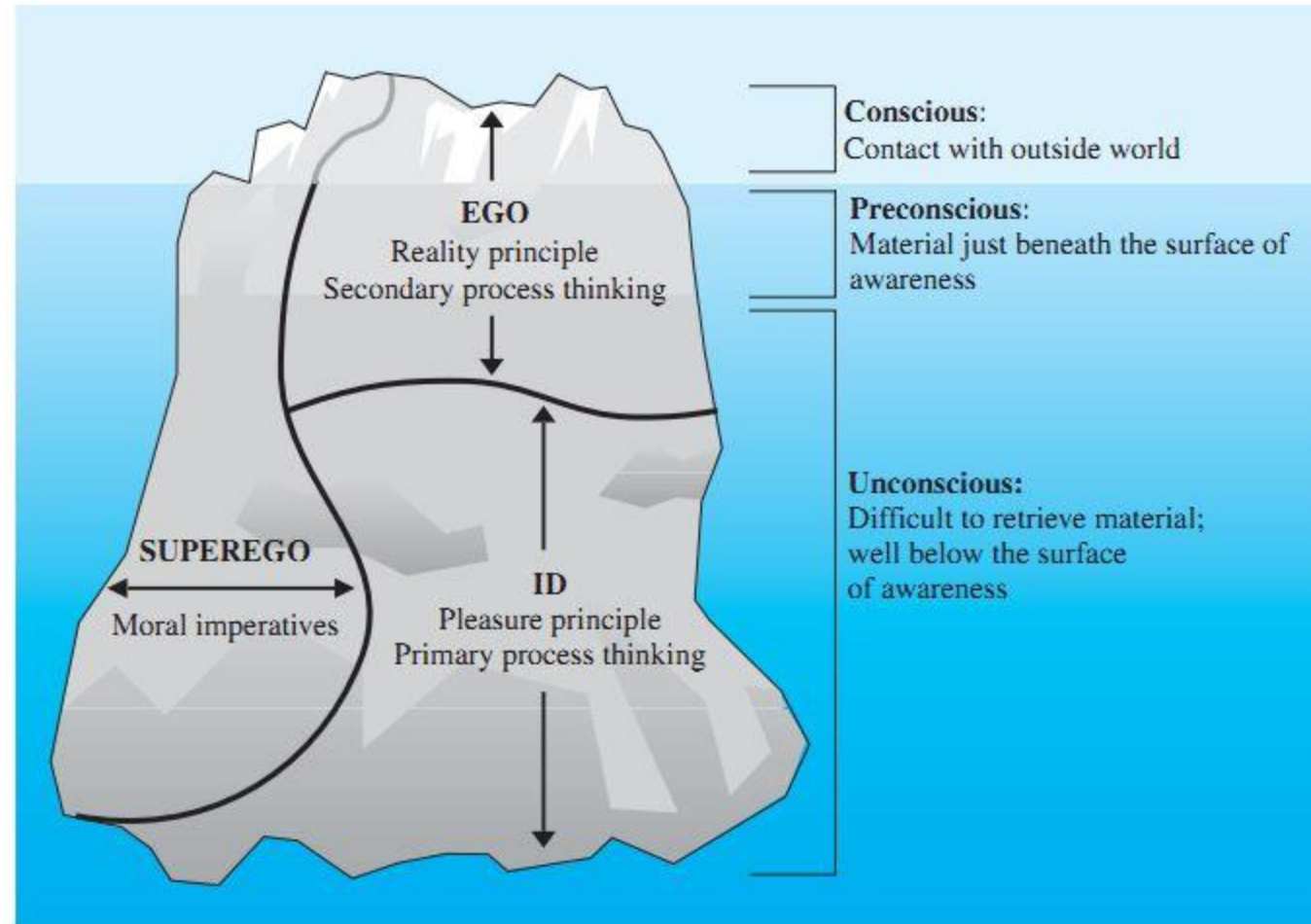
Gồm 3 phần:

- Cái Ấy (id)
- Cái Tôi (ego)
- Cái Siêu Tôi (superego)

**Figure 1.1**

Freud's levels and structures of personality.

SOURCE: From *Psychology: Themes and Variations*, 2nd ed., by W. Weiten, p. 428, Brooks/Cole Publishing Co., 1992.



## 4. Cấu trúc nhân cách

### Cái Ấy (id)

- Ngập trong vô thức
- Vận hành theo nguyên tắc khoái cảm (pleasure principle) và suy nghĩ vận hành cơ bản (primary-process thought). Không có kết nối với thực tế
- Chứa đựng những xung năng, là bộ phận cung cấp năng lượng cho ego và superego

## 4. Cấu trúc nhân cách

### Cái Ấy (id)

- ***Pleasure principle:*** Cái id tránh bị “làm đau” và chỉ muốn thỏa mãn nhất có thể
- ***Primary-process thought:*** Không cần suy nghĩ, quan tâm gì, Id cố gắng thỏa mãn xung năng tính dục

## 4. Cấu trúc nhân cách

### Cái Tôi (ego)

- Vận hành theo nguyên tắc thực tế (reality principle) và suy nghĩ vận hành thứ hai (secondary-process thought).
- Quyết định khi nào và bằng cách nào các xung năng được thỏa mãn (quyết định đối tượng, thời gian, nơi chốn)

## 4. Cấu trúc nhân cách

### Cái Tôi (ego)

- ***Secondary-process thought***: Quá trình suy nghĩ trưởng thành hơn, dễ gắn liền với thực tế
- ***Reality principle***: Phải dựa trên thực tế để thỏa mãn id.



## 4. Cấu trúc nhân cách

### Cái Tôi (ego)

- Thỏa mãn nhu cầu của ba yêu cầu xuất phát từ: cái Ấy, cái Siêu tôi và thực tế bên ngoài
- ⇒ Defense mechanisms (các cơ chế phòng vệ) để giảm thiểu lo hãi (anxiety)

## 4. Cấu trúc nhân cách

### Cái Tôi (ego)

- Cái Tôi biết tách biệt ra khỏi cái Ấy khi mà một đứa trẻ biết tách biệt bản thân và thế giới bên ngoài

## 4. Cấu trúc nhân cách

### Cái Tôi (ego)

Ví dụ: Chọn một bộ đồ gọn gàng

- Ý thức: *Tiện lợi vì hôm đó nóng*
- Tiềm thức: *Nhìn thấy quảng cáo lúc nào đó*
- Vô thức: *Lúc nhỏ được huấn luyện khi đi vệ sinh  
Nên phải gọn gàng.*

## 4. Cấu trúc nhân cách

### Cái Tôi (ego)

- **Ví dụ:** Đi tìm thức ăn ở đâu, loại thức ăn nào?
- Tuy nhiên trong quá trình đi tìm đáp ứng để thỏa mãn nhu cầu của Id (giúp cho sinh thể duy trì trạng thái cân bằng), Ego sẽ vấp phải những trở ngại trong cuộc sống thực tế của môi trường.
- Ego đóng vai trò kết hợp trong nhân cách – là trung gian giữa xung động từ id và superego.

## 4. Cấu trúc nhân cách

### Cái Tôi (ego)

- Cái Tôi tách biệt ra khỏi cái Ấy khi mà một đứa trẻ biết tách biệt bản thân và thế giới bên ngoài

⇒ *Vậy khi nào cái Siêu tôi phát triển rõ nét?*

## **4. Cấu trúc nhân cách**

### **Cái Siêu Tôi (Superego)**

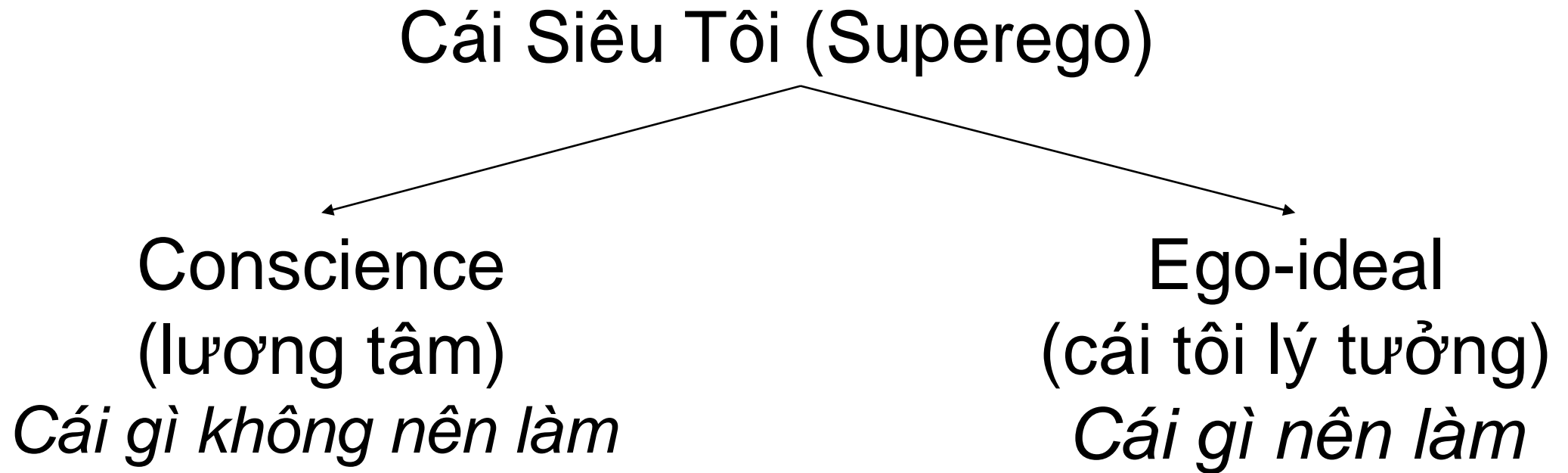
- 5 – 6 tuổi khi mà trẻ nhận thức rõ cái gì nên hoặc không nên, cũng như bắt đầu tách biệt rõ nét với cha mẹ

## 4. Cấu trúc nhân cách

### Cái Siêu Tôi (Superego)

- Nguyên lý luân lý, đạo đức
- Cái siêu tôi cố gắng áp đặt những giá trị của nó lên bản ngã và xung động bản năng/ bản năng nguyên thủy.
- Cố ngăn chặn những ham muốn hiếu chiến và bản năng tính dục của Id
- Cái siêu tôi cũng có khuynh hướng ngăn chặn những biểu hiện của ego, nỗ lực thực tế của ego không phải luôn luôn phù hợp với đạo đức.

## 4. Cấu trúc nhân cách



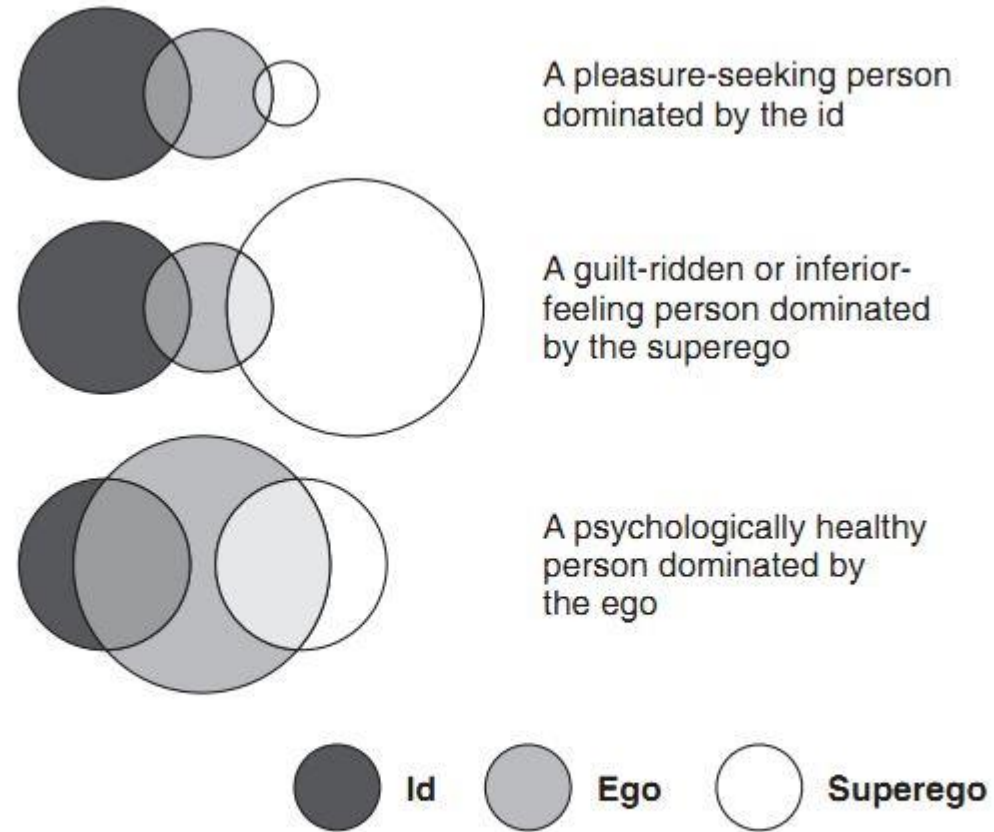


# 5. Xung đột nội tâm

- Ba cấu trúc tinh thần/ nhân cách Id, ego, superego không hoạt động đơn lẻ mà liên tục tương tác lẫn nhau → xung đột nội tâm
- Xung động từ id nỗ lực theo một cách liên tục và tự phát để thỏa mãn những ham muốn của nó. Nhưng để đạt được điều đó, nó phải chiến đấu với thực tế, với tính hợp lý của ego và tính đạo lý của superego.

## 5. Xung đột nội tâm

- Xung đột nội tâm là đặc tính của nhân cách bình thường, dù một số khía cạnh của xung đột cũng có thể là nguyên nhân cho việc phát triển chứng loạn thần kinh.



**FIGURE 2.3** *The Relationship among Id, Ego, and Superego in Three Hypothetical Persons.*

# 5. Xung đột nội tâm

- Nếu Superego mạnh hơn id thì sẽ tạo ra nhân cách cứng ngắt, bảo thủ, đè nén, không thoải mái.
- Nếu id mạnh hơn Superego thì sẽ tạo ra nhân cách dễ bốc đồng, tự ái, nghiện ngập, xả láng, theo chủ nghĩa khoái lạc
- Nếu ego có thể cân bằng được id và superego thì sẽ có được một nhân cách quân bình

# 5. Xung đột nội tâm

## Anxiety (lo hãi)

- Theo Freud, lo hãi là sự sợ hãi mà không có nguyên nhân cụ thể
- Lo hãi xuất hiện khi có sự xung đột giữa cái id, ego và superego. Xung đột càng cao, lo hãi càng lớn.

# 5. Xung đột nội tâm

## Anxiety (lo hãi)

- ***Reality anxiety (lo hãi thực tế)***: Gần giống với sợ (fear), được định nghĩa như là một cảm giác không dễ chịu nhưng không cụ thể về mối nguy hiểm tiềm tàng
- Ví dụ: *Ta lái xe trong một thành phố lạ, có đường rộng và đang mưa. Dù không có nguyên nhân cụ thể nào nhưng vẫn rất bất an*

# 5. Xung đột nội tâm

## Anxiety (lo hãi)

### ***Neurotic anxiety (lo hãi nhiều tâm):***

- Bao hàm một trạng thái sợ hãi không tương xứng với nguyên nhân gây ra nỗi sợ, hoặc một trạng thái sợ hãi xuất hiện mà không có bất kỳ nguyên nhân rõ rệt nào bên ngoài.

# 5. Xung đột nội tâm

## Anxiety (lo hãi)

- ***Neurotic anxiety (lo hãi nhiều tâm)***: Là sự lo hãi từ một nguyên nhân không rõ, tồn tại ở ego nhưng xuất phát từ những xung năng của id
- Ví dụ: *Cảm thấy sợ giáo viên hoặc người có quyền lực vì vô thức đã trải nghiệm cảm giác chống đối với cha/mẹ.*

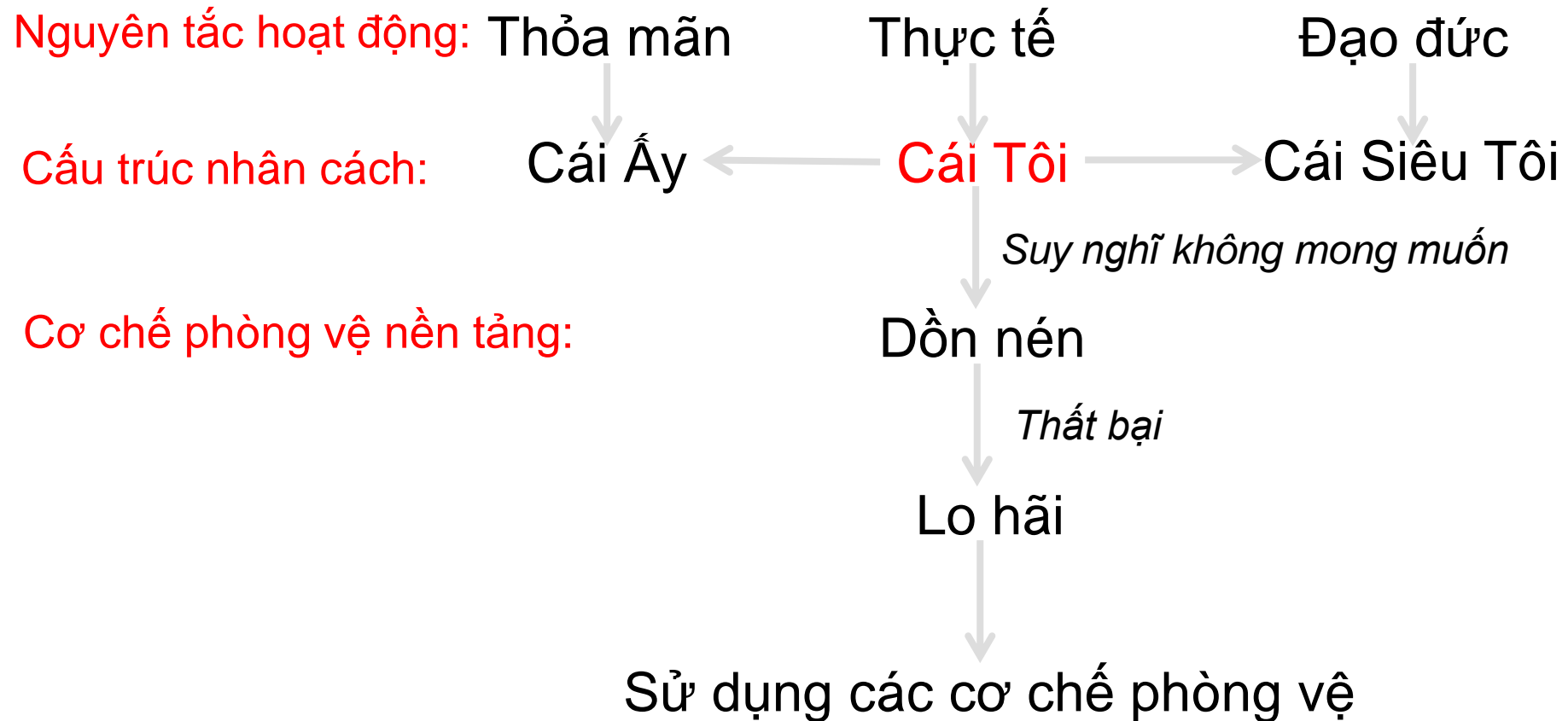


# 5. Xung đột nội tâm

## Anxiety (lo hãi)

- ***Moral anxiety (lo hãi đạo đức)***: Xuất phát vì mâu thuẫn giữa ego và superego. Lo hãi xuất hiện khi nhu cầu thực tế từ ego và quy định lý tưởng từ superego không trùng nhau
- Ví dụ: *Một đứa trẻ lo hãi khi muốn/thực hiện hành vi thủ dâm*

## 5. Xung đột nội tâm:



# CƠ CHẾ PHÒNG VỆ (Defense mechanism)

- Được cái tôi sử dụng để chống lại lo âu
- Hai đặc điểm chính:
  - Chối bỏ hoặc bóp méo sự thật
  - Vận hành một cách vô thức

## 6. Cơ chế phòng vệ (defense mechanisms)

- Ego phải đối diện với yêu cầu từ các phía: Id, superego và thực tế.
- Từ đó, cơ chế phòng vệ là chiến lược mà cái ego sử dụng để đối phó với lo hãi trong các tình huống hằng ngày.

## 6. Cơ chế phòng vệ (defense mechanisms)

- Khi có sự mâu thuẫn quá lớn giữa các bên, ego buộc phải tự bảo vệ nó một cách vô thức tự động bằng cách:
  - + Chặn lại những xung lực này.
  - + Tìm cách thay đổi, biến chúng thành những hình thái mới mẻ khác để được chấp nhận và bớt đi tính cách đe dọa hơn -> Lúc này, cơ chế phòng vệ xuất hiện.

## **6. Cơ chế phòng vệ (defense mechanisms)**

- Diễn ra trong vô thức
- Mang tính chất phủ nhận (denials) hoặc bóp méo (distortions)

## 6. Cơ chế phòng vệ (defense mechanisms)

- Dồn nén (repression)
- Chối bỏ/ phủ nhận (denial)
- Hồi quy/ Thoái lùi (regression)
- Chuyển dịch/ thay thế (displacement)
- Hợp lý hoá / giải biện (rationalization)
- Phóng ngoại nội tâm/ phóng chuyển (projection)
- Đồng hoá (identification)
- Hình thành phản ứng ngược (reaction formation)
- Tháo gỡ (undoing)
- Thăng hoa (sublimation)

# Repression (dồn nén)

- Là cơ chế phòng vệ cơ bản và phổ biến nhất
- Bất cứ khi nào ego cảm thấy bị đe dọa bởi những xung năng từ id, ego sẽ dồn nén những xung năng này xuống vô thức
- Có thể kéo dài cả một cuộc đời



# Repression (dồn nén)

- Là gạt ra ngoài ý thức những ý nghĩ, cảm xúc, kinh nghiệm không vui của cá nhân, mà nếu gọi lên thì khó chấp nhận, không thể chịu được.
- Chúng ta dồn nén, kiềm chế những cảm xúc tiêu cực lo âu trên bằng cách tâng lờ, tránh đề cập đến, hay cho rằng nó không tồn tại.

# Repression (dồn nén)

## Ví dụ:

+ *Một người chị dồn nén sự căm ghét của mình đối với em gái vì sự căm ghét này tạo ra nhiều lo hãi cho ego.*

# Repression (dồn nén)

Điều gì xảy ra sau khi dồn nén?

# Repression (dồn nén)

Sau khi dồn nén:

- Giữ mãi trong vô thức
- Cố gắng trồi lên với nguyên dạng
- Trồi lên với sự biến đổi cho phù hợp: *Thể lý, giấc mơ, lời, biến thành các cơ chế phòng vệ khác.*

# Repression (dồn nén)

Ví dụ biến thành thể lý:

- *Liệt dương vì cảm giác lo hãi và tội lỗi trong việc tận hưởng khoái cảm tình dục*
- *Các triệu chứng chuyển dạng trên cơ thể*

# Hợp lý hóa/giải biện (rationalization)

- Là tìm cách lý giải, biện minh cho hành vi vô lý, cảm xúc không hay hoặc thất bại của bản thân hoặc sự việc không mong muốn bằng cách gán cho nó những nguyên nhân có vẻ hợp lý.
- “Hát dờ, chê rạp chật.”
- **Ví dụ:**
  - + *Cha mẹ thường đánh con và thấy có lỗi nên nói “thương cho roi cho vọt.”*
  - + *Người cha không có nhiều thời gian chăm sóc con cái thì lại nói: “Tôi muốn làm vậy để con tôi biết tự lập.”*

# Hợp lý hóa/giải biện (rationalization)

- “*Chùm nho chua*” và “*những trái chanh ngọt*”.

- ***Ví dụ:***

- + Cô gái bị người yêu bỏ rơi, biện minh rằng anh ta không là người đàn ông ‘đúng chuẩn’ của cô (sour grapes) và đây là dịp cô ta được tự do quen với người khác tốt hơn (sweet lemons).

# Đồng hóa/ identification

- Làm theo những đặc tính của một cá nhân hoặc những cá nhân được cho là nhiều quyền lực hơn, thành công hơn, hoặc đáng giá hơn chính bản thân người đó.
- **Ví dụ:**
  - + *Cô bé thích ca sĩ A nên để tóc và ăn mặc giống ca sĩ này*
  - + *Người bị bạo hành trở nên bạo hành vì thấy hành vi bạo hành sẽ làm mình mạnh mẽ hơn.*
- Đây là một nhân tố quyết định quan trọng trong việc hình thành nhân cách.
- Có thể là một phản ứng tự vệ khi được dùng bởi những người thấy mình thấp kém.



# Tháo gỡ (undoing)

- Khi chúng ta làm một điều gì sai trái, không được xã hội và lương tâm chấp nhận, hoặc một hành vi làm tổn thương người khác nhất là những người thân thiết hoặc quan trọng đối với chúng ta, chúng ta cố gắng làm một điều gì khác tốt đẹp cho người đó như một cách 'tháo gỡ' hành vi sai trái, tổn thương chúng ta đã làm.

# Tháo gỡ (undoing)

## - Ví dụ:

+ Người chồng tỏ mua tặng vợ một món quà, mà vợ thích sau khi đã có những hành vi thô lỗ và tổn thương vợ.

- Cơ chế tháo gỡ này nhằm mục đích vô thức giúp cho người chồng giảm được sự lo lắng, và thuyết phục chính bản thân người chồng rằng “Tôi không phải là một người xấu xa”.

# Thăng hoa (sublimation)

- Thay thế việc bày tỏ một động cơ không thể chấp nhận được với một hành vi có thể chấp nhận được, hoặc những hành vi được xã hội đề cao như nghệ thuật, khoa học, tôn giáo.

- **Ví dụ:**

Khiêu vũ, thể thao, nghệ thuật có thể được coi là thăng hoa của xung năng tính dục; thi đấu quyền anh thay cho xung năng hiếu chiến.

# Thăng hoa (sublimation)

- Thay thế những cảm xúc tiêu cực, những đau khổ bằng những hoạt động xã hội hay nghiên cứu khoa học.
- Ví dụ: Gia đình có nhiều vấn đề rắc rối phức tạp, khó giải gỡ, một thành viên trong gia đình trở thành một người rất nhiệt tâm lo cho việc từ thiện xã hội.

# Chối bỏ/ denial

- Ngăn chặn những sự kiện có hại từ bên ngoài, không cho chúng đi vào khu vực cảnh giác của tâm thức.
- **Ví dụ:**
  - + *Có người đổ vỡ trong tình cảm không tin rằng họ bị phản bội.*
  - + *Không chấp nhận sự ra đi của người thân.*

# Reaction formation (phản ứng ngược)

- Phòng vệ bằng cách thể hiện những hành vi hoàn toàn trái ngược với những gì mình mong muốn trong bản thân nhằm che giấu những cảm xúc, suy nghĩ hoặc hành vi không được xã hội chấp nhận của bản thân.
- **Ví dụ:**
  - + Người đồng tính tham gia vào phong trào chống người đồng tính.
  - + Một người lên án cực đoan hành vi ngoại tình khi vô thức họ ham muốn việc ngoại tình

# Reaction formation (phản ứng ngược)

- Thể hiện xung năng của id theo một hướng hoàn toàn trái ngược
- Ví dụ: *Ghét thành yêu, dục vọng thành đức hạnh*

# Displacement (chuyển di)

- Là quá trình chuyển hướng cảm xúc của mình về cá nhân A qua cá nhân B.
- *“Giận cá chém thớt”*
- Ví dụ:
  - + Bực tức với sếp về nhà la mắng vợ con
  - + Tức giận cô giáo nên xé sách vở hoặc vẽ râu lên hình cô giáo.



# Displacement (chuyển di)

- Nếu *Reaction formation* chỉ hướng đến ***một đối tượng*** thì *Displacement* có thể hướng đến ***nhiều đối tượng, vật thể***.
- Ví dụ: Một người có thể tức giận với bạn cùng phòng nhưng chuyển di lên thú cưng, đồng nghiệp. Cô ấy có thể vẫn nói chuyện được với bạn ấy nhưng không **PHẢN ỨNG NGƯỢC**

# Displacement (chuyển di)

- Theo Freud (1926/1959a), chuyển di còn có thể thể hiện ra bởi triệu chứng thần kinh.
- *Ví dụ: Một người rửa tay không ngừng có thể xuất phát từ chuyển di xung năng muốn thỏa mãn tình dục bằng thủ dâm*

# Displacement (chuyển di)

- Chuyển di còn tham gia vào trong hình thành giấc mơ
- *Ví dụ: Một người hận thù cha mẹ mình có giấc mơ một con chó bị xe ô-tô đâm chết*

# Regression (Thoái lui)

- Người đó thoái lui lại giai đoạn phát triển mà bản thân cảm thấy thoải mái và không lo hãi
- **Ví dụ:**
  - + *Trẻ yêu cầu sử dụng lại bình bú cho giống em trai mới sinh*

# Regression (Thoái lui)

- Ví dụ:

+ *Người lớn nằm thẽ tư thẽ bào thai khi stressed. Hoặc về quê, nằm trong căn phòng cũ của mình, quán mền, cả ngày.*

# **Regression (Thoái lui)**

Regression (Thoái lui) và Fixation (cắm chốt) được coi là hai cơ chế cứng nhắc (rigid) và thiếu trưởng thành (infantile)

# Phóng chiếu/ Projection

- Khi có xung năng tạo nên quá nhiều lo hãi, cái ego sẽ giảm lo hãi bằng cách quy cho các chủ thể bên ngoài (thường là người) những xung năng ấy

# Phóng chiếu/ Projection

- Gán ghép cảm xúc của mình lên người khác, nhất là những điểm hạn chế tiêu cực của bản thân mình được nhìn thấy nơi người khác.
- *Suy bụng ta ra bụng người*
- Ví dụ: người chồng ngoại tình nên cũng nghi ngờ vợ mình không chung thủy.



# Phóng chiếu/ Projection

- Ví dụ: *Một chàng trai trẻ liên tục kết tội một phụ nữ trung niên quyến rũ anh ta*

# Phóng chiếu/ Projection

- Ví dụ: *Một chàng trai trẻ liên tục kết tội một phụ nữ trung niên quyến rũ anh ta*

Về mặt ý thức:

Anh ta cảm thấy ghê tởm khi phải có mối quan hệ với người phụ nữ bằng tuổi mẹ mình

# Phóng chiếu/ Projection

Projection (Phóng chiếu)

- Ví dụ: Một chàng trai trẻ liên tục kết tội một phụ nữ trung niên quyến rũ anh ta

Về mặt vô thức:

Có thể anh mong muốn quyến rũ người phụ nữ này nhưng bị cảm giác xấu hổ và tội lỗi xuất hiện

## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

Theo Freud, 5-6 năm đầu đời là giai đoạn nhân cách của con người được thành hình và kết tinh

## 7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)

Các giai đoạn: *Oral (môi miệng)*, *Anal (hậu môn)*, *phallic (dương vật tượng trưng)*, *Latency (ẩn tàng)*, và *Genital (sinh dục)*

Theo Freud, việc thỏa mãn các xung năng của id sẽ tương ứng với các vùng cơ thể trong mỗi giai đoạn.

# CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN TÂM TÍNH DỤC

Stage	Approximate Ages	Erotic Focus	Key Tasks and Experiences
Oral	0–1	Mouth (sucking, biting)	Weaning (from breast or bottle)
Anal	2–3	Anus (expelling or retaining feces)	Toilet training
Phallic	4–5	Genitals (masturbating)	Identifying with adult role models; coping with Oedipal crisis
Latency	6–12	None (sexually repressed)	Expanding social contacts
Genital	Puberty onward	Genitals (being sexually intimate)	Establishing intimate relationships; contributing to society through working

## 7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)

### The Oral stage (giai đoạn môi miệng)

- Từ khi sinh ra cho đến khoảng 12 - 18 tháng tuổi
- Trẻ tìm thấy khoái cảm thông qua việc cắn, bú, mút
- Trẻ định nghĩa thế giới theo tương quan với người chăm sóc. Tốt – xấu, mãn nguyện – khó chịu, an toàn – nguy hiểm

## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

### **The Oral stage (giai đoạn môi miệng)**

- Mỗi quan hệ đối tượng của trẻ hướng đến các bộ phận thay vì tổng thể
- Quan hệ phụ thuộc



## 7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)

### The Oral stage (giai đoạn môi miệng)

Karl Abraham chia thành 2 giai đoạn nhỏ:

- 0 – 6 tháng: chịu đựng, chấp nhận (*Oral incorporative behavior (taking in)*)
- 6 – 12 tháng: mọc RĂNG => tấn công ngược (*Oral aggressive (biting or spitting out)*)

## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

### **The Oral stage (giai đoạn môi miệng)**

Cắm chốt ở giai đoạn MM tiếp nhận: quan tâm quá mức đến các hoạt động môi miệng (ăn uống, hút thuốc, hôn, cắn móng tay...), lạc quan quá mức, dựa dẫm vào người khác, cả tin

# Hiện tượng cầm chốt (Fixation)

- Là việc vẫn đầu tư một lượng nhất định Libido (tính dục) về một trong những giai đoạn phát triển trước đó vì một nhu cầu chưa đáp ứng đủ hoặc quá mức.

# Hiện tượng cảm chốt (Fixation)

## - Ví dụ:

+ Hút thuốc, ăn uống nhiều, nói nhiều. Hoặc ám ảnh với việc ngăn nắp, thứ tự.

## \* **Cắm chốt tại giai đoạn miệng**

- Trẻ em được thỏa mãn cảm giác khoái lạc miệng quá độ sẽ hình thành nhân cách thụ động (*Hành vi môi miệng tiếp nhận*)
- Vui vẻ, lạc quan, với mong ước thế giới sẽ chăm sóc mình, và sẽ tiếp tục tìm kiếm sự ưong thuận bằng mọi giá.
- Thụ động, cả tin, thiếu chín chắn, và lệ thuộc quá độ.

## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

### **The Oral stage (giai đoạn môi miệng)**

Cắm chốt ở giai đoạn MM hung tính: bi quan quá mức, thù địch, hung tính, thích tranh cãi, mĩa mai, tính độc ác cao, ghen tị, thích sử dụng và kiểm soát người khác

(Nhưng vẫn khác với cắm chốt ở giai đoạn hậu môn)

## \* **Cấm chốt tại giai đoạn miệng**

- Không được cho bú sữa đầy đủ hoặc bị bỏ đói khát, hoặc cai sữa quá sớm thì lớn lên các em sẽ có những cá tính liên qua đến miệng như ăn vặt, nói chuyện nhiều, hay tắc lưỡi, hay nhổ nước miếng, hút thuốc, huýt sáo . . .
- Thích gây gổ, thích cắn người khác, ăn nói thiếu trách nhiệm, cố ý nói những lời gây tổn thương cho người khác, thống trị người khác (*Hành vi môi miệng gây hấn*).

## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

### **The Anal stage (giai đoạn hậu môn)**

- Từ 1 – 3 tuổi nhưng rõ nét nhất vào khoảng 18 tháng tuổi, khi mà trẻ tập đi toilet.



## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

### **The Anal stage (giai đoạn hậu môn)**

Vì sao việc đi toilet lại quan trọng dưới góc nhìn của Phân tâm học?

## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

### **The Anal stage (giai đoạn hậu môn)**

- Biết điều khiển việc thỏa mãn khoái cảm (đúng người, đúng lúc, đúng chỗ)
- Có sự can thiệp của cha mẹ
- Việc đi đại tiện hay giữ lại là một “vũ khí” của trẻ trong giai đoạn này.

## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

### **The Anal stage (giai đoạn hậu môn)**

- Liên quan đến việc học cách đi vệ sinh
- Vùng khoái cảm: cơ vòng hậu môn
- Phương thức thỏa mãn: cho ra hay giữ lại
- Quan hệ đối tượng: 2 chiều – bạo dâm vs. khổ dâm
- K. Abraham: chia thành 2 giai đoạn nhỏ
- Đẩy ra (trước)
- Giữ lại (sau)

## 7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)

### The Anal stage (giai đoạn hậu môn)

“Đi bất chấp” -> anal aggressive personality (*nhân cách hậu môn gây hấn*)

⇒ Hình thành những hành vi thù hằn, “bạo dâm”  
(nghĩa rộng) trong tương lai

## 7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)

### The Anal stage (giai đoạn hậu môn)

"Đi bất chấp" -> anal aggressive personality (*nhân cách hậu môn gây hấn*)

Khi cha mẹ tỏ ra quá dễ dãi trong việc tập bé đi vệ sinh, lớn lên bé trở thành người lộn xộn, thiếu ngăn nắp, luộm thuộm, xề xòa, cầu thả, bừa bãi, phá hoại.

## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

### **The Anal stage (giai đoạn hậu môn)**

“Giữ bắt chấp” -> anal retentive (giữ lại) personality

=> *Cứng đầu, cứng nhắc, gợn gàng quá mức, cảm thấy an toàn với việc giữ lại, sở hữu*

## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

### **The Anal stage (giai đoạn hậu môn)**

Giữ bắt chấp -> anal retentive (giữ lại) personality  
-> Khi cha mẹ quá khắt khe trong việc đi vệ sinh, nhiều bé cố gắng vẫn không thực hiện được. Lớn lên bé sẽ trở thành những người có nhân cách tiện tặn dè sẻn, rất sạch sẽ, cầu toàn, gia trưởng, độc đoán, và keo kiệt.

## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

### **The Phallic stage (g/đ dương vật tượng trưng)**

- Từ 4 – 5 tuổi
- Trẻ hứng thú khám phá dương vật của bản thân và người khác (không chỉ bằng hành động mà suy nghĩ)
- Thắc mắc về việc sinh em bé và tại sao bé trai và gái khác nhau
- Muốn cưới mẹ/ba sau khi lớn lên



## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

### ***The Phallic stage (g/đ dương vật tượng trưng)***

#### **CON TRAI**

- Có
- Xem mẹ như một đối tượng tình yêu quan trọng đầu tiên
- Xuất hiện những ảo tưởng vô thức về những liên quan tính dục với người mẹ, và mong ước sở hữu độc quyền người mẹ

#### **CON GÁI**

- Không
- Xem cha như một đối tượng tình yêu quan trọng đầu tiên.
- Xuất hiện những ảo tưởng vô thức về những liên quan tính dục với người cha, và mong ước sở hữu độc quyền người cha.

## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

### ***The Phallic stage (g/đ dương vật tượng trưng)***

#### **CON TRAI**

- Thù địch và ghen tức nghiêm trọng đối với người cha.
- Phát triển những cảm xúc hung hăng nghiêm trọng với người cha và khao khát việc vắng mặt hoặc bỏ đi của người cha.

#### **CON GÁI**

- Khám phá ra mình không có dương vật, dẫn đến việc oán giận mẹ đã thất bại trong việc cung cấp cho cô ta một dương vật.
- Khám phá ra rằng mẹ cô cũng không có dương vật, dẫn đến thù ghét mẹ nhiều hơn.

## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

### ***The Phallic stage (g/đ dương vật tượng trưng)***

#### **CON TRAI**

- Phát triển sự lo âu bị hoạn, với nỗi lo âu sợ rằng người cha sẽ cắt bỏ dương vật của mình khi ông khám phá ra những bốc đồng hung hăng đó.

#### **CON GÁI**

- Quay trở lại với người cha với hy vọng rằng ông ta sẽ cung cấp cho mình một dương vật.

## 7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)

### *The Phallic stage (g/đ dương vật tượng trưng)*

#### CON TRAI

- Bác bỏ những ước mơ loạn luân với người mẹ và những bốc đồng hung hăng với người cha.
- Đồng nhất hóa với người cha trong niềm hy vọng sẽ kiếm được một phụ nữ như mẹ.
- Cũng cố siêu ngã.

#### CON GÁI

- Trải qua những chấn chương vỡ mộng trong việc cố gắng có một dương vật.
- Đồng nhất hóa với người mẹ trong hy vọng là tìm kiếm được một người đàn ông giống như cha.
- Cũng cố siêu ngã.

## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

### ***The Phallic stage (g/đ dương vật tượng trưng)***

Nếu bé nam bị mẹ em ruồng bỏ và bị đối xử hà khắc bởi người cha, khi lớn lên em sẽ phát triển thành một người có tâm trạng rất yếm thế về khả năng của mình khi đối diện với bức tranh sinh hoạt tính dục, co cụm trong sinh hoạt tính dục với người khác phái

## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

### ***The Phallic stage (g/đ dương vật tượng trưng)***

- Nếu 1 bé trai bị mẹ cưng chiều và lại được yêu mến bởi một người cha hiền lành nhu nhược, lớn lên bé sẽ gặp nhiều khó khăn khi hội nhập vào thế giới người lớn vì không ai yêu thương chàng trai ấy như mẹ của anh ta.
- Lớn lên thành người yếu đuối, nhu nhược.
- Không có động cơ nào thúc đẩy bé trai này đồng hóa với cha mình.

## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

### ***The Phallic stage (g/đ dương vật tượng trưng)***

Nếu các bé gái bị cha mình xa lánh bỏ rơi và bị mẹ mình làm cho sợ, khi lớn lên các bé gái này sẽ có khuynh hướng không đủ tự tin vào bản thân, là người nhút nhát co cụm, hoặc thường là những cô gái đồng đánh khác thường.

## ***The Phallic stage (g/đ dương vật tượng trưng)***

TÓM LẠI, nếu không giải quyết được phức cảm O'-đíp hoặc Electra thì:

-> Phát triển nét nhân cách ái kỷ (narcissism) rõ nét. Muốn thu hút sự chú ý của người khác giới nhưng khó phát triển một mối quan hệ bền vững.



## ***The Phallic stage (g/đ dương vật tượng trưng)***

Tuýp nhân cách dương vật tượng trưng

- Nam giới: Thể hiện sự hấp dẫn của bản thân thông qua các hoạt động tình dục lẫn thể hiện đậm nét tính dục
- Nữ giới: Phóng đại sự nữ tính và sử dụng tài năng, nét quyến rũ của mình để chinh phục

## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

The Latency stage (giai đoạn ẩn tàng)

- Từ 5 – dậy thì

# Giai đoạn ẩn tàng: (6 – 12t)

- Từ chối những ham muốn ở giai đoạn Oedipus => dồn nén vào vô thức
- Đi học = hướng ra bên ngoài
- Những ham muốn tình dục tạm ngủ yên
- 3 thành tố trong cấu trúc nhân cách đã được định hình gần như hoàn chỉnh đến năm 5 tuổi

## **7. Giai đoạn phát triển tâm tính dục (Psychosexual stages of personality development)**

### **The genital stage (giai đoạn sinh dục)**

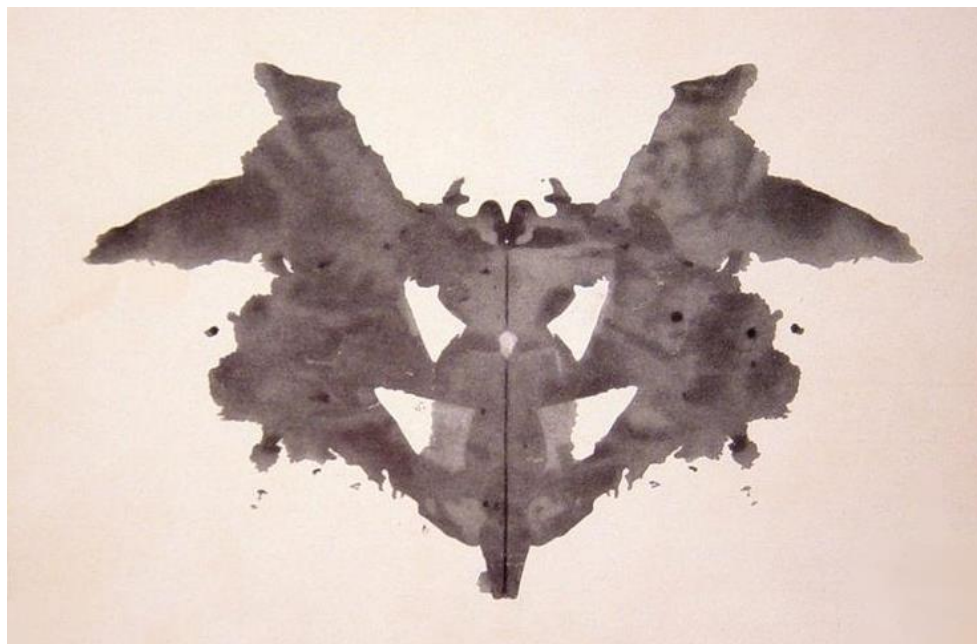
- Trưởng thành về mặt sinh học khi dậy thì
- Kích hoạt những mong muốn tính dục giai đoạn Oedipus: mong muốn một đối tượng yêu thương
- Cái bị dồn nén quay trở lại “ồn ả” nhưng được thỏa mãn qua nhiều hình thức được xã hội chấp nhận.

## 8. Các tuýp nhân cách trong PTH:

<b>Cấu trúc nhân cách</b>	<b>Thời kỳ chủ đạo</b>	<b>Lo hãi chủ đạo</b>	<b>Cơ chế phòng vệ chủ đạo</b>
Nhiều tâm	Oedipus	Bị thiến	Dồn nén Phủ nhận
Loạn tâm	Tiền Oedipus	Bị ăn thịt, bị tan rã, bị mất trọng lực, bị tan vào nước	Phóng chiếu Chối bỏ
Lệch lạc	Ngưỡng trước Oedipus	(rằng người mẹ mất cái biểu tượng quyền năng)	Chối bỏ
Ranh giới	Tiền Oedipus	Bị mất mát	[Quan hệ nường tựa]

## 9. ỨNG DỤNG CỦA PTH

- Ứng dụng trong đánh giá nhân cách: các trắc nghiệm phóng chiếu
  - Test vết mực loang (Rorschach Inkblot Test)
  - Test TAT (Thematic Apperception Test)
  - Test phóng chiếu Heo chân đen (Patte Noire)
- Ứng dụng trong trị liệu: Trị liệu phân tâm



# Một số kỹ thuật trong trị liệu phân tâm

- Liên tưởng tự do
- Diễn dịch
- Phân tích giấc mơ
- Chuyển cảm và phản chuyển cảm
- Làm việc với sự kháng cự



# CHUYỂN CẢM (Transference)

- Là một hiện tượng trong đó cá nhân chuyển cảm xúc và thái độ về một người hoặc một tình huống trong quá khứ sang một người hoặc một tình huống trong hiện tại một cách vô thức. Cảm xúc và thái độ này phần nào không thích hợp với con người và tình huống hiện tại.

# PHẢN CHUYỂN CẢM (countertransference)

- Là sự đáp trả lại của người nhận được chuyển cảm.
- Chuyển cảm và phản chuyển cảm xảy ra một cách vô thức.

TÓM LẠI

# Phân Tâm Học theo Freud

- Nhấn mạnh tầm quan trọng của vô thức.
- Cấu trúc nhân cách được hình thành rất sớm và khó thay đổi.
- Hành vi ứng xử của con người bị chi phối và thúc đẩy bởi vô thức, và kinh nghiệm trải qua trong 3 giai đoạn đầu; vì thế vượt khỏi khả năng kiểm soát theo ý chí con người.
- Đưa ra giải thích cho hành vi của con người.

# Nhân cách lành mạnh theo freud

- Id, Ego, Superego: Ego mạnh và cân bằng được Id và Superego.
- Không lạm dụng các cơ chế phòng vệ.
- Không bị khựng/cắm chốt (Fixation) ở bất cứ giai đoạn phát triển tâm tính dục nào.
- Nếu bị khựng, các vấn đề khựng trong các giai đoạn phát triển tâm tính dục đã được giải quyết.
- Không bị các vấn đề trong thời thơ ấu và những dữ liệu tiêu cực trong vô thức điều khiển hành vi hiện tại → các chất liệu bị dồn nén trong vô thức được đưa lên ý thức.
- Có khả năng biểu cảm một cách trưởng thành, chứ không dồn nén dục năng/ xung năng tính dục của mình.